

THÔNG TƯ

Quy định về hoạt động cho vay để đầu tư ra nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 103/2026/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 198/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về hoạt động cho vay để đầu tư ra nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hoạt động cho vay để đầu tư ra nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng theo các hình thức đầu tư quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 39 Luật Đầu tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là tổ chức tín dụng).

2. Khách hàng là nhà đầu tư (không bao gồm tổ chức tín dụng) theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 3. Áp dụng các văn bản pháp luật có liên quan

Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay đối với khách hàng để đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này. Những nội dung không quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, giới hạn tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, quản lý ngoại hối, phòng, chống rửa tiền, kiểm soát nội bộ, báo cáo thống kê, phân loại, trích lập dự phòng, xử lý rủi ro và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Nhu cầu vay vốn đầu tư ra nước ngoài

Tổ chức tín dụng xem xét cho khách hàng vay đối với các nhu cầu sau:

1. Góp vốn để thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.
2. Đầu tư ra nước ngoài theo hình thức hợp đồng ở nước ngoài.
3. Góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế ở nước ngoài để tham gia quản lý tổ chức kinh tế đó.
4. Nhu cầu vốn để thực hiện các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

Điều 5. Điều kiện vay vốn

Tổ chức tín dụng xem xét, quyết định cho vay để đầu tư ra nước ngoài khi khách hàng đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Khách hàng là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật. Khách hàng là cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật và thuộc đối tượng được thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư.
2. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc đã được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định pháp luật về ngoại hối (đối với dự án không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài).
3. Hoạt động đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư chấp nhận hoặc cấp phép. Trường hợp pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư không quy định về việc cấp phép đầu tư hoặc chấp nhận đầu tư, nhà đầu tư phải có tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư.
4. Có dự án đầu tư ra nước ngoài được tổ chức tín dụng đánh giá là khả thi và khách hàng có khả năng trả nợ tổ chức tín dụng.
5. Không phát sinh nợ xấu trong 24 tháng liền kề trước thời điểm đề nghị vay vốn.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị vay vốn

Khi có nhu cầu vay vốn, khách hàng phải gửi cho tổ chức tín dụng các tài liệu chứng minh điều kiện vay vốn theo quy định tại Điều 5 Thông tư này và các tài liệu khác theo hướng dẫn của tổ chức tín dụng.

Điều 7. Mức cho vay

1. Mức cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận trên cơ sở nhu cầu vay vốn, dự án đầu tư ra nước ngoài, khả năng tài chính của khách hàng, các giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng và khả năng nguồn vốn của tổ chức tín dụng.

2. Mức cam kết cho vay tối đa tại hợp đồng/thỏa thuận cho vay của một tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài không vượt quá 70% vốn đầu tư ra nước ngoài của khách hàng tại dự án đó. Trường hợp khách hàng vay vốn tại nhiều tổ chức tín dụng để thực hiện cùng một dự án đầu tư ra nước ngoài, tổng mức cam kết cho vay tại hợp đồng/thỏa thuận cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng để thực hiện dự án không vượt quá 70% vốn đầu tư ra nước ngoài của khách hàng tại dự án đó.

Điều 8. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng, khả năng cung ứng vốn trung, dài hạn của tổ chức tín dụng, thời hạn đầu tư của dự án, thời gian còn lại của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (đối với dự án thuộc trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác.

Điều 9. Đồng tiền cho vay, trả nợ

1. Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về đồng tiền cho vay phù hợp với quy định pháp luật về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đồng tiền trả nợ là đồng tiền cho vay của khoản vay. Trường hợp trả nợ bằng đồng tiền khác, thì thực hiện theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

Điều 10. Bảo đảm tiền vay

1. Việc áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay được thực hiện theo quy định của pháp luật về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay bằng tài sản ở nước ngoài do các bên thỏa thuận phù hợp với nguyên tắc lựa chọn pháp luật trong quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài theo quy định tại Phần thứ năm Bộ luật Dân sự.

Điều 11. Kiểm tra, giám sát sử dụng vốn vay

1. Tổ chức tín dụng có quyền và nghĩa vụ thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức tín dụng có quyền yêu cầu khách hàng báo cáo kết quả hoạt động, việc sử dụng vốn vay và cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích.

3. Khách hàng có nghĩa vụ sử dụng vốn vay đúng mục đích đã cam kết, hoàn trả nợ gốc, lãi, phí đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận; báo cáo kết quả hoạt động, việc sử dụng vốn vay và cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích theo yêu cầu của tổ chức tín dụng.

Điều 12. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Vụ Tín dụng:

a) Đầu mối theo dõi, tổng hợp, kiểm tra tình hình cho vay để đầu tư ra nước ngoài của tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý các vấn đề vướng mắc phát sinh liên quan đến việc cho vay để đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

2. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước thực hiện thanh tra việc cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng để thực hiện các hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Thông tư này và các văn bản pháp luật có liên quan; xử lý các vi phạm phát sinh theo thẩm quyền và quy định pháp luật.

3. Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng giám sát các tổ chức tín dụng thực hiện Thông tư này theo chức năng, nhiệm vụ.

4. Cục Phòng chống rửa tiền thực hiện giám sát, kiểm tra tổ chức tín dụng trong việc tuân thủ các quy định về phòng, chống rửa tiền liên quan đến hoạt động cho vay đầu tư ra nước ngoài.

5. Cục Quản lý ngoại hối chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý những vấn đề về quản lý ngoại hối có liên quan đến hoạt động cho vay đầu tư ra nước ngoài.

6. Vụ Chính sách tiền tệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến việc cho vay đầu tư ra nước ngoài bằng ngoại tệ.

7. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực có trách nhiệm thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát các tổ chức tín dụng trên địa bàn trong việc thực hiện Thông tư này theo thẩm quyền.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 8. tháng 8. năm 2026.

2. Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 36/2018/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay để đầu tư ra nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

3. Đối với các hợp đồng/thỏa thuận cho vay được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo các hợp đồng/thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng/thỏa thuận. Trường hợp sửa đổi, bổ sung hợp đồng/thỏa thuận cho vay, nội dung sửa đổi, bổ sung phải phù hợp với các quy định của Thông tư này.

Điều 14. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 14;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng TTĐT của NHNN;
- Lưu VP, TD (5).

**KT.THÔNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Nguyễn Ngọc Cảnh